

HƯỚNG DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT POLYURETHANE

Phần 1 : Thông tin sản phẩm

Tên gọi : polyurethane.

Họ hóa học : polyurethane.

CAS : 9009-54-5

Tên gọi khác : nhựa polyurethane nhiệt rắn.

Phần 2 : Thành phần

Tên	CAS	% khối lượng
Methylene bisphenyl isocyanate	101-68-8	0.1-0.7
Xylene	1330-20-7	1-5

Phần 3 : Tính chất lý hóa

Dạng tồn tại : sợi màu trắng.

Mùi : không mùi.

Tan trong ester, ketone, dung môi hữu cơ, ít tan trong alcohol.

Nhiệt độ nóng chảy : 160-170°C

Điểm bắt lửa : -45°C

Điểm tự cháy : 180°C (356°F).

Phần 4 : Nhận biết độ độc

Trường hợp tiếp xúc da có thể gây kích ứng, về lâu dài có thể gây dị ứng.

Trường hợp nuốt phải có thể gây kích ứng, buồn nôn, ung nhọt, tiêu chảy hay táo bón.

Trường hợp hít phải có thể gây rối loạn cảm giác.

Phần 5 : Biện pháp xử lý tại chỗ

Trường hợp tiếp xúc với mắt : rửa bằng nước ít nhất 15 phút rồi đưa đến bệnh viện.

Trường hợp tiếp xúc với da : rửa sạch bằng xà phòng, vệ sinh sạch sẽ đồ bảo hộ trước khi tái sử dụng, đưa đến bệnh viện khi có những triệu chứng bất thường xảy ra.

Trường hợp nuốt phải : uống thật nhiều nước hay sữa tươi, rồi đưa đến bệnh viện.

Trường hợp hít phải : di chuyển đến nơi thoáng khí, nếu khó thở cho thở bằng bình oxi, nếu ngừng thở thì tiến hành hô hấp nhân tạo, rồi đưa đến bệnh viện.

Phần 5 : Phòng cháy chữa cháy

Điểm bắt lửa : 80°C (176°F).

Sản phẩm cháy có chứa những khí độc có khả năng gây kích ứng.

Công cụ dập lửa : CO₂, bột, hóa chất khô.

Khi dập lửa phải được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ, không chạm hay hít phải hơi bốc ra từ đám cháy.

Phần 6 : Bảo quản

Tránh xa nguồn nhiệt, lửa. Giữ bình luôn đóng, không cho hơi nước hay hóa chất khác đi vào vì hơi nước sẽ làm xảy ra phản ứng trùng hợp, làm tăng áp suất trong thùng và có thể gây nổ. Nhiệt độ bảo quản là 32-122°F (0-50°C), lý tưởng là từ 50-81°F (10-27°C).

Phần 7 : An toàn lao động

Găng tay, áo tay dài làm bằng cotton khi thao tác với hóa chất.

Kính bảo hộ để ngăn hóa chất bắn vào mắt.

Không cần đeo khẩu trang nếu đảm bảo thông khí tốt.

Phần 8 : Tính chất lý hóa

Dạng tồn tại : chất rắn trong suốt, bột trắng hay keo sữa.

Mùi nhẹ

% bay hơi : 0

Không tan trong nước

Khối lượng riêng : 1.1-1.2

Phần 9 : Độ bền và hoạt tính

Hợp chất bền, dễ cháy, tránh tiếp xúc với nước, alcohol, amin.

Sản phẩm phân hủy là CO, CO₂, nitrogen oxide.

Phần 10 : Độ độc

Bụi có thể gây kích ứng, vật liệu thô thì không độc.

ORL-chuột nhất LD50 > 5000 mg/kg.

Phần 11 : Tác động đến hệ sinh thái

Chưa được nghiên cứu.

Phần 12 : Vận chuyển

Chưa có quy định chung về vận chuyển.

Phần 13 : Đánh giá của các tổ chức khác

HIMS

Ảnh hưởng đến sức khỏe : 2

Khả năng cháy : 1

Hoạt tính : 0

Bảo hộ lao động : C

